

Số: /BC-UBND

Nam Cường, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá chương trình xây dựng Nông thôn mới quý I/2026

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030. Ủy ban nhân dân xã Nam Cường báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Ngày 28/7/2025, Đảng ủy xã Nam Cường ban hành Quyết định số 36-QĐ/ĐU thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Nam Cường giai đoạn 2021-2025 do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban.

Ngày 06/8/2025, UBND xã Nam Cường ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Nam Cường giai đoạn 2021 - 2025

Có Ban quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xã và Ban phát triển thôn tại 23 thôn bản.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiêu chí quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1], được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: xã đã xây dựng xong quy hoạch đang trình Sở Xây dựng thẩm định nội dung

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới (xã loại III không yêu cầu): Xã loại III không yêu cầu

1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã (xã loại III không yêu cầu): Xã loại III không yêu cầu

2. Tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa.

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Về kết nối và bảo trì hệ thống giao thông hằng năm

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã cơ bản được đầu tư đồng bộ, đảm bảo kết nối giữa các thôn, xóm và khu trung tâm xã.

Công tác duy tu, bảo dưỡng được quan tâm thực hiện định kỳ hằng năm; Tuyến đường xuống cấp đã xuống cấp, tuy nhiên việc thi công công trình Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang nên tuyến đường xã từ Cốc Lùng Mới đến thôn Bản Lồm đã hư hỏng, xuống cấp chưa được hoàn trả lại mặt bằng.

→ Đánh giá: Chưa đạt yêu cầu.

- Tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch.

Tổng số km đường xã: 11 km

Số km đạt chuẩn theo quy hoạch: 4 km (đạt 36,36%)

So với yêu cầu 100%:

Đánh giá: Chưa đạt do việc thi công công trình Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang nên tuyến đường xã từ Cốc Lùng Mới đến thôn Bản Lồm đã hư hỏng, xuống cấp chưa được hoàn trả lại mặt bằng

- Tỷ lệ đường trồng cây xanh

Tổng chiều dài đường xã: 11 km

Chiều dài có trồng cây xanh: 8 km (đạt 73,73%)

So với yêu cầu $\geq 50\%$ → Đạt yêu cầu.

- Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa

Tổng số km đường thôn, xóm: 106,36 km

Số km đã cứng hóa (bê tông/asphalt): 46,7 km (đạt 41,75%)

Đánh giá: Còn nhiều tuyến đường đất, lầy lội → Chưa đạt yêu cầu.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm;

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.

b. Kết quả thực hiện:

+ Tổng số diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch là: 720 ha, trong đó diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 495 ha, đạt 69%.

+ Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã có 80 công trình kênh đập, với tổng chiều dài kênh mương 37,82 km; trong đó đã được kiên cố hóa là 22,88 km. Hằng năm đều chủ động đủ nước tưới cho sản xuất.

c. Tự đánh giá: đạt

2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

a. Yêu cầu tiêu chí: Xã nhóm 3 được đánh giá “Đạt” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm theo quy định tại Điều 6 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/2/2026

b. Kết quả thực hiện:

+ Xã thành lập Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 29/8/20253 của UBND xã Nam Cường do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND làm phó ban thường trực; Chỉ huy trưởng Quân sự xã, Trưởng công an, trưởng phòng Kinh tế làm phó ban (được kiện toàn tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 25/01/2026).

+ Hàng năm có Kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã, tổ chức rà soát các điểm sung yếu để có giải pháp phòng chống, di dời dân đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

c. Tự đánh giá: đạt

2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Hiện nay trên địa bàn xã có 05 trạm biến áp của hệ thống điện lưới quốc gia, có 23/23 thôn có điện.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn: 847/887 hộ = 95,49%

- Trên địa bàn xã đã có 8/14 thôn có hệ thống điện thấp sáng chiếu sáng đường quê từ nguồn xã hội hóa (Gồm các thôn: Bản Khang, Bản Tun, Bản Eng, Nà Dạ, Bản Ó, Bản Puông, Bản Hỏ, Pù Lùng 2).

c. Tự đánh giá: Chưa đạt.

2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã Nam Cường có 03 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chợ xã) đã được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp khang trang đáp ứng được một phần nhu cầu giao thương buôn bán của các tiểu thương và bà con nhân dân. Tuy nhiên, đối chiếu tiêu chuẩn của chợ thương mại nông thôn đạt chuẩn thì chưa đáp ứng được hoàn toàn các tiêu chí về chợ nông thôn đạt chuẩn, cần được rà soát đầu tư nâng cấp, bổ sung các tiêu chí để đáp ứng các tiêu chí về chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất.

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Mạng di động đã phủ sóng 23 thôn tuy nhiên hiện nay còn có 02/23 thôn chưa có cáp quang đến nơi gồm Lũng Noong, Cốc Slông, đạt 91%.

c. Tự đánh giá: **Chưa đạt**

3. Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn

3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Thu nhập bình quân đầu người của xã là 42 triệu đồng/người/ năm

c. Tự đánh giá: chưa đạt

3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Trồng trọt: có tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ (HTX, THT, nhóm hộ hoặc doanh nghiệp). Có kế hoạch phát triển, mở rộng vùng nguyên liệu gắn với tiêu thụ, được cơ quan cấp tỉnh chấp thuận. Có ít nhất 10% diện tích hoặc sản lượng cây trồng chủ lực được chứng nhận chất lượng hợp lệ, hoặc có lộ trình nâng cao tỷ lệ chứng nhận theo điều kiện địa phương; khuyến khích áp dụng truy xuất nguồn gốc và quản lý sản xuất phù hợp điều kiện thực tế.

- Chăn nuôi: có mô hình chăn nuôi liên kết theo nhóm hộ, HTX hoặc doanh nghiệp. Không bắt buộc áp dụng chứng nhận vùng chăn nuôi. Có kế hoạch nâng cao điều kiện chăn nuôi an toàn, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, được cơ quan cấp tỉnh chấp thuận

- Lâm nghiệp: có tổ chức liên kết trồng rừng và tiêu thụ lâm sản. Có ít nhất 10% diện tích rừng sản xuất được liên kết trồng rừng và tiêu thụ lâm sản được cấp mã số rừng trồng hoặc áp dụng quản lý rừng theo quy định, hoặc có kế hoạch nâng cao tỷ lệ chứng nhận theo lộ trình

- Thủy sản: có mô hình nuôi trồng thủy sản liên kết. Có ít nhất 10% diện tích hoặc sản lượng nuôi trồng thủy sản được áp dụng quy trình an toàn hoặc chứng nhận chất lượng, hoặc có kế hoạch nâng cao theo lộ trình. Có biện pháp quản lý môi trường nuôi phù hợp điều kiện địa phương.

b. Kết quả thực hiện: không có mô hình

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả

a. Yêu cầu của tiêu chí: có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả

b. Kết quả thực hiện: không có mô hình

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030;
- Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn;
- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá

b. Kết quả thực hiện: Hiện đang xây dựng kế hoạch thực phát triển các sản phẩm OCOP năm 2026 như: Bún, phở khô (tráng tay), mật ong, măng khô, các sản phẩm mật hàng thổ cẩm, Chưa có sản phẩm OCOP trên địa bàn.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP;

- Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá)

b. Kết quả thực hiện: không có mô hình

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Hiện nay có 10 HTX đăng ký kinh doanh trên địa bàn, 07 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 03 HTX hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

a. Yêu cầu của tiêu chí: Đạt 60 điểm theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/2/2026

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã đã có 01 Tổ khuyến nông được thành lập, hiện đang triển khai thực hiện Kiện toàn Tổ khuyến nông cộng đồng, tuy nhiên chưa tổ chức họp theo định kỳ

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ nông dân đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi $\geq 40\%$ so với tổng số hộ hội viên nông dân đăng ký danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi trên địa bàn xã

b. Kết quả thực hiện: Số hộ đạt là 860 hộ/1.720 hộ nông dân= 50%

c. Tự đánh giá: **đạt**

3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương

a. Yêu cầu tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã chưa có doanh nghiệp, 10 HTX tuy nhiên chưa tạo ra việc làm ổn định, tạo thu nhập ổn định cho người dân

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Có ít nhất 01 làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận;

- Có khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Về quy hoạch: phù hợp với quỹ đất của địa phương, ưu tiên tận dụng các mặt bằng sẵn có. Quy mô có thể nhỏ nhưng phải đảm bảo không xâm phạm đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

+ Về hạ tầng: đảm bảo điều kiện tối thiểu về giao thông (xe cơ giới đi lại thuận tiện) và điện, nước phục vụ sản xuất. Việc xử lý môi trường có thể áp dụng các mô hình bán tập trung hoặc tại chỗ nhưng phải đảm bảo vệ sinh.

b. Kết quả thực hiện: không có làng nghề, cụm công nghiệp

c. Tự đánh giá: **Chưa đạt**

4. Tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn

4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

a. Yêu cầu của tiêu chí: xã nhóm III $\geq 27\%$

b. Kết quả thực hiện: Tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên địa bàn xã là 7.823 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 7.062 người/7.823 người đạt 90,27%.

c. Tự đánh giá: **Đạt**

4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông.

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS Là 47/47 em đạt 100%. Số học sinh được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) có 34/47 học sinh, đạt 72,34%.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

5. Tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế

5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Bình xét danh hiệu gia đình văn hóa đạt: 2.155/2.291 hộ, đạt 94,06%

- Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn danh hiệu văn hoá 15/23 thôn, đạt 65,21 %.

c. Kết quả: **chưa đạt**

5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập Trung học cơ sở; xoá mù chữ:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là: 121/121 em, đạt 100%.

+ Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2.

+ Xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

+ Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại tốt.

c. Kết quả: **chưa đạt**

5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2025- 2030: Đạt

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 10.491/10.491 = 100%

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 9,1% (đạt)

c. Kết quả: **chưa đánh giá**

5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Trạm y tế đã thực hiện hoàn thành 22/22 nhiệm vụ

c. Tự đánh giá: **chưa đánh giá**

6. Tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội

6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều:

a. Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ nghèo đa chiều nhỏ hơn hoặc bằng 13%.

b. Kết quả thực hiện:

Tổng số hộ nghèo là 456 hộ chiếm 19,63% (Kết quả rà soát cuối năm 2025 là 454 hộ; Phát sinh thời điểm tháng 02/2026 02 hộ); hộ cận nghèo 150 hộ chiếm

6,46%. Tổng số hộ nghèo không có khả năng lao động 23 hộ; hộ cận nghèo không có khả năng lao động 06 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $456-23 \text{ hộ} = 433 \text{ hộ} / 2.323 \text{ hộ dân cư}$, chiếm 18,64%. Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều: $150-06=144 \text{ hộ} / 2.323 \text{ hộ dân cư}$, chiếm 6,20%. Tổng tỷ lệ nghèo đa chiều: $18,64\%+6,20\%=24,84\%$

b. Tự đánh giá: **chưa đạt**

6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn của cấp trên

b. Kết quả thực hiện:

- Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn: 2.331 nhà; trong đó:

+ Trên địa bàn xã còn có nhà tạm, nhà xuống cấp.

+ Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $126/2.331$ nhà đạt từ 5,64% .

Trong năm 2025 UBND xã kết hợp với các chương trình hỗ trợ làm được 239 căn nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn

a. Yêu cầu của tiêu chí: có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))

b. Kết quả thực hiện: Hiện nay tỷ lệ sử dụng nước hợp sinh hoạt hợp vệ sinh toàn xã là 99,6%; Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chưa đánh giá được do chưa thực hiện lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước sau khi xử lý của công trình theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế

b. Tự đánh giá: **chưa đạt**

6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an[2]”

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn của cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Hội phụ nữ chưa đánh giá

c. Tự đánh giá: **chưa đánh giá**

6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn của cấp trên

b. Kết quả thực hiện: chưa đánh giá

c. Tự đánh giá: **chưa đánh giá**

6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn của cấp trên

b. Kết quả thực hiện: chưa đánh giá

c. Tự đánh giá: **chưa đánh giá**

6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí: Đảm bảo an toàn thực phẩm” khi có 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã hiện có 25 hộ kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; có khoảng 2.000 hộ chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, có 10 hộ chăn nuôi lợn với số lượng từ 10 con trở lên; 20 hộ giết mổ gia súc, gia cầm. Các hộ chưa thực hiện ký cam kết sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo quy định

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

7. Tiêu chí Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số

7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn:

a. Yêu cầu của tiêu chí: Chưa có hướng dẫn cụ thể

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã hiện có 01 điểm bưu chính công cộng (*Bưu điện văn hóa xã*) hoạt động ổn định, cung cấp các dịch vụ như: chuyển phát, tài chính bưu chính, hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường: Tỷ lệ số hoá dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường đạt 80%. Đến năm 2030, mục tiêu đặt ra là 100% dữ liệu về nông nghiệp và môi trường (đất đai, quan trắc, cây trồng, vật nuôi, tài nguyên nước) được số hóa, cập nhật và chia sẻ đồng bộ

a. Yêu cầu của tiêu chí: Xã nhóm 3 đạt tỷ lệ $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện: Chưa thực hiện được số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử:

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cụ thể

b. Kết quả thực hiện: UBND xã tuyên truyền người dân, HTX tham gia các sàn thương mại. Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển thanh toán điện tử cho hộ gia đình kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ hiện nay các hộ kinh doanh đã thực hiện giao dịch điện tử; thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

7.4. Có mô hình thôn thông minh:

a. Yêu cầu của tiêu chí: xã nhóm III không yêu cầu

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn đã xây dựng và lắp đặt hệ thống camera an ninh tại UBND xã và các trên các trục đường chính trên địa bàn xã. Tỷ lệ phủ sóng Internet 100%; tuy nhiên còn 03/23 thôn sóng yếu do thuộc vùng lõm sóng của xã (*gồm các thôn: Bản Quá; Lũng Noong; Bản Lôm*)

c. Tự đánh giá: **đạt**

8. Tiêu chí Môi trường và cảnh quan nông thôn

8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh

a. Yêu cầu của tiêu chí: Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (sau đây gọi là CTR), bao gồm: hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường (công trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình bảo vệ môi trường khác); tổ, đội (đơn vị) thu gom, vận chuyển; thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển (nếu có); bãi chôn lấp, khu xử lý CTR tập trung (nếu có); quy định quản lý CTR, quy chế vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý CTR (nếu có)

b. Kết quả thực hiện: Xã chưa có chỗ để xử lý rác thải sinh hoạt tập trung. Hiện nay xã đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Chợ Bắc Kạn để thu gom rác thải sinh hoạt dọc theo tỉnh lộ 254 khoảng 1.600 người. Số còn lại tự thu gom và xử lý theo quy mô hộ gia đình.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Đối với chăn nuôi trang trại: phải có hệ thống thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi (công trình khí sinh học, hồ sinh học, máy ép phân...)

- Đối với chăn nuôi nông hộ: phải có biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường (ủ phân compost, công nghệ đệm lót sinh học, sấy khô, chế phẩm vi sinh giảm thiểu mùi hôi...)

- Khuyến khích phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn, gắn với xử lý, tái sử dụng chất thải chăn nuôi theo đúng quy định, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, an toàn sinh học để phục vụ trồng trọt và nuôi trồng thủy sản

b. Kết quả thực hiện:

- Trang trại: trên địa bàn có 02 trại lợn nuôi trên 30 con đã sử dụng bioga để xử lý chất thải

- Hộ chăn nuôi: có khoảng 2.000 hộ chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ một số ít có sử dụng bioga còn lại thải trực tiếp ra môi trường bên ngoài.

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Yêu cầu của tiêu chí: Yêu cầu đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường: có báo cáo ĐTM; giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định;

b. Kết quả thực hiện: Hiện nay trên địa bàn xã có 01 cơ sở nuôi cá tầm nước thải được xả trực tiếp ra môi trường chưa qua xử lý

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường

- a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên
- b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thu nước thải sinh hoạt.
- c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn

- a. Yêu cầu của tiêu chí:
 - Đối với hệ thống cây xanh: Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; không gian xanh, bao gồm không gian xanh tự nhiên
 - + Ưu tiên sử dụng các loại cây xanh bản địa, đặc trưng vùng, miền và phù hợp với khu vực nông thôn, bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cô thụ có giá trị. Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của Nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định;
 - + Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng, như: trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa - thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ, điểm sinh hoạt cộng đồng, xung quanh các ao, hồ sinh thái...
 - Đối với hệ thống ao, hồ:
 - + Các đoạn sông, kênh, rạch trên địa bàn xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải; không có tên trong danh sách khu, điểm ô nhiễm môi trường do UBND cấp tỉnh phê duyệt;
 - + Khu vực nước mặt (ao, hồ) được cải tạo cảnh quan, bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo diện tích mặt nước công cộng, hệ sinh thái nước mặt tự nhiên đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, BVMT và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích;
 - + Khu vực nước mặt (ao, hồ) ô nhiễm được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định; nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân;
 - + Kênh, mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kê bờ (nếu có); không có hiện tượng tồn đọng rác thải dưới kênh, mương thoát nước;
 - + Thực hiện các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nước mặt (ao, hồ) thành điểm vui chơi, giải trí... tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.
 - Đối với đường làng, ngõ xóm

+ Giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm theo nội dung của quy ước/hương ước (nếu có);

+ Các tuyến đường đã được cứng hóa, đảm bảo thoát nước (khuyến khích theo hướng hệ thống thoát nước kín), không ứ đọng nước thải, lầy lội khi có mưa;

+ Các tuyến đường phải được đảm bảo thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không đổ/xả rác bừa bãi, không tập kết rác sai vị trí, thời gian quy định;

+ Các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông; ưu tiên sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí, tạo cảnh quan, giáo dục ý thức về bảo vệ môi trường. Đối với các đoạn đường có diện tích hẹp, có thể sử dụng tranh bích họa hoặc hệ thống cây treo tường/hàng rào;

+ Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định).

- Đối với khu vực công cộng:

+ Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng;

+ Không để hiện tượng ứ đọng nước thải, CTR không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà...); không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng;

+ Tăng cường cải tạo ao, hồ, khu vực công cộng thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em;

+ Chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa tạo cảnh quan, cấp nước sạch và bố trí nhà vệ sinh theo quy định đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, xóm

b. Kết quả thực hiện:

- Đối với hệ thống cây xanh: Tổng chiều dài đường xã: 11 km

Chiều dài có trồng cây xanh: 8 km (đạt 73,73%) So với yêu cầu $\geq 50\%$ → Đạt yêu cầu.

Cây xanh được trồng tại các trường học, tuyến đường sang Bản Cháy

- Đối với hệ thống ao, hồ: trên địa bàn xã không có ao hồ tù đọng gây mất vệ sinh

- Đối với đường làng, ngõ xóm: Việc vệ sinh đường làm ngõ xóm được thực hiện theo hương ước, quy ước của thôn bản. Hiện nay các tuyến đường trục thôn đã được bê tông hóa tuy nhiên rãnh thoát nước qua các khu vực dân cư chưa có nắp bê tông che, còn nhiều hộ dân xả rác ra các khu vực không phải điểm tập kết rác thải

- Đối với khu vực công cộng: khu vực công chợ Nam Cường còn điểm ứ nước thải vào mùa mưa

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

9. Tiêu chí Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công

9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên
- b. Kết quả thực hiện: 100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- c. Tự đánh giá: **đạt**

9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$

- a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên
- b. Kết quả thực hiện: UBND xã bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số tại địa phương. Tuy nhiên, do điều kiện biên chế của cấp xã còn hạn chế, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số hiện vẫn phải kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ chuyên môn khác, song cơ bản vẫn bảo đảm tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan theo yêu cầu. Lắp đặt đường truyền Internet, hệ thống mạng LAN đủ và ổn định để truy cập hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành. Đảm bảo an toàn thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tuân thủ Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng nội bộ. Trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân tra cứu thủ tục hành chính và nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.
- c. Tự đánh giá: **đạt**

10. Tiêu chí Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng

10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên
- b. Kết quả thực hiện:
 - Xã có 57/57 cán bộ, công chức; 100% đã đạt chuẩn theo quy định.
 - Năm 2025, Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - 100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động

- a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên
- b. Kết quả thực hiện:

- Đảng uỷ xã ban hành Nghị quyết chuyên đề, UBND xã xây dựng Kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ.

- Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự như: Chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phá hoại các mục tiêu công trình trọng điểm về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; xã có 06 điểm nhóm đạo Tin lành với 1.827 tín đồ tại thôn Cốc Slông, Nà Bản, Tà Han, Pù Lùng, Lũng Noong, Thượng Sơn hoạt động tín ngưỡng.

- Xã không có khiếu kiện đông người kéo dài, trái pháp luật.

- Trên địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm phạm trẻ em.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm so với kỳ trước, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước.

- Xã có mô hình tự quản "Hộ an toàn - thôn bản bình yên" tại 23/23 thôn.

- Xã Nam Cường không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

c. Tự đánh giá: **đạt**

10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: xã đã lắp các camera giám sát tại các điểm quan trọng. Tuy nhiên chưa có camera AI giám sát an ninh

c. Tự đánh giá: **chưa đạt**

10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng

a. Yêu cầu của tiêu chí: chưa có hướng dẫn cấp trên

b. Kết quả thực hiện: Tổ chức biên chế đơn vị dân quân có 371 đồng chí. Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật đảm bảo theo quy định.

- Xã Nam Cường đã thành lập Chi bộ quân sự riêng, hằng tháng tổ chức sinh hoạt theo quy định.

- Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân có 48/371 đồng chí, chiếm 12,93%; có 18/23 thôn đội trưởng là đảng viên đạt 78,26%.

- Hằng năm tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân nòng cốt, tổ chức huấn luyện cho các đối tượng dân quân về giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện quân sự theo nội dung đạt khá. Hằng năm đều hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân, quản lý quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương.

c. Tự đánh giá: **đạt**

11. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (*đến thời điểm 20/4/2026*) xã Nam Cường **đạt 05/45** tiêu chí cụ thể sau:

- 2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động
- 3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định
- 4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
- 9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên
- 10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động

12. Kết quả huy động, quản lý sử dụng nguồn lực:

Tổng kinh phí năm 2025 là 16.914 triệu đồng trong đó 13.343 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.571 triệu đồng. Huy động từ nhân dân để đóng góp công sức, tiền để làm đường nông thôn mới.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM

1. Kết quả tích cực

Nhờ có xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn của xã đã có nhiều thay đổi, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (*điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa, hệ thống kênh mương tưới tiêu...*) được đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ, hoàn thiện; sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển đa dạng, ổn định; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh; chất lượng giáo dục ngày càng tăng; công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt được nhiều kết quả tốt; công tác bảo vệ môi trường nông thôn cũng đã có những chuyển biến tích cực, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân cũng dần được nâng cao; hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp; An ninh trật tự xã hội được đảm bảo, Quốc phòng được giữ vững.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Một số khó khăn, hạn chế.

- Công tác tuyên truyền chưa thực sự có chiều sâu; chưa làm rõ chủ thể xây dựng nông thôn mới là do dân làm, dân trực tiếp hưởng lợi. Một số cán bộ chủ chốt ở thôn chưa nắm chắc đầy đủ thực trạng.

- Các thôn chưa tổ chức tốt việc phối hợp thực hiện giữa các tổ chức đoàn thể quần chúng, chưa quan tâm chỉ đạo lồng ghép các cuộc vận động lớn của đoàn thể với xây dựng nông thôn mới ở địa phương; đang chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ bản, chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện các tiêu chí.

- Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn chưa được đổi mới kịp thời. Các hợp tác xã hoạt động còn kém hiệu quả; Thu nhập, đời sống vật chất của đại đa số người dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn.

- Các thiết chế văn hóa chưa đầy đủ; đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa theo kịp với yêu cầu; môi trường, sinh thái nông thôn chưa được xanh- sạch – đẹp, đặc biệt xử lý nước thải, rác thải chưa triệt để. An ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó khăn, phức tạp.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế:

a. Về chủ quan:

- Ban chỉ đạo cấp xã và thôn được thành lập và thực hiện nhiệm vụ theo hình thức kiêm nhiệm, chưa được đào tạo tập huấn bài bản nên nhiều lúc còn lúng túng trong triển khai thực hiện, Cụ thể, từ việc tuyên truyền vận động nhân dân, phân công trách nhiệm triển khai các bước công việc theo kế hoạch, lập hồ sơ dự án thành phần, lập kế hoạch huy động nguồn lực, đăng ký nhu cầu vốn và phương pháp tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các dự án...

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân về xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, chưa thật sự phát huy đầy đủ vai trò chủ thể; một số cán bộ, đảng viên, một bộ phận người dân chưa xác định rõ xây dựng nông thôn mới là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mình, còn mang tư tưởng trông chờ, ỉ lại vào sự đầu tư của ngân sách; chưa nhận thức đúng quan điểm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

b/. Về khách quan:

- Trình độ dân trí không đồng đều, xã còn nhiều thôn đặc biệt khó khăn, đời sống người dân còn gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Xây dựng nông thôn mới là chương trình thực hiện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, liên quan đến nhiều ngành, mỗi ngành có quy định hướng dẫn riêng, vì vậy việc phối hợp triển khai, lồng ghép và thực hiện đồng bộ đôi khi còn gặp khó khăn.

- Bố trí ngân sách hằng năm cho địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế và đôi khi chưa kịp thời, đặc biệt là đối với những tiêu chí cần kinh phí lớn như giao thông, xây dựng cơ sở vật chất văn hoá, xây dựng trường học đạt chuẩn; việc huy động nội lực từ cộng đồng dân cư và doanh nghiệp còn hạn chế.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chương trình NTM năm 2026

Trên đây là báo cáo Đánh giá chương trình xây dựng Nông thôn mới quý I/2026 của UBND xã Nam Cường./.

Nơi nhận:

- TT Đảng Ủy xã;(B/c)
- TT HĐND xã;(B/c)
- LĐ UBND xã;(B/c)
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các phòng: VHXX; Kinh tế
- Văn Phòng HĐND&UBND;
- Trung tâm phục vụ HCC;
- TT DVTT xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC I
BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thực trạng	Tiêu chí cũ	Tự đánh giá theo tiêu chí mới	Đơn vị đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1], được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Xã đã trình sở Xây dựng thẩm định quy hoạch chung		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới			Xã nhóm III Không yêu cầu	Phòng Kinh tế
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã			Xã nhóm III Không yêu cầu	Phòng Kinh tế
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Tổng số km đường xã: 11 km Số km đạt chuẩn theo quy hoạch: 4 km (đạt 36,36%) Chiều dài có trồng cây xanh: 8 km (đạt 73,73%) Tổng số km đường thôn, xóm: 106,36 km Số km đã cứng hóa (bê tông/asphalt): 46,7 km (đạt 41,75%)		Chưa đạt	Phòng Kinh tế

<p>2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động</p>	<p>Tổng số diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch là: 720 ha, trong đó diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 495 ha, đạt 69%.</p> <p>+ Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã có 80 công trình kênh đập, với tổng chiều dài kênh mương 37,82 km; trong đó đã được kiên cố hóa là 22,88 km. Hàng năm đều chủ động đủ nước tưới cho sản xuất.</p>		Đạt	Phòng Kinh tế
<p>2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ</p>	<p>+ Xã thành lập Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 29/8/20253 của UBND xã Nam Cường do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND làm phó ban thường trực; Chỉ huy trưởng Quân sự xã, Trưởng công an, trưởng phòng Kinh tế làm phó ban (<i>được kiện toàn tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 25/01/2026</i>).</p> <p>+ Hàng năm có Kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã, tổ chức rà soát các điểm sung yếu để có giải pháp phòng chống, di dời dân đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.</p>		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
<p>2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 98\%$</p>	<p>- Hiện nay trên địa bàn xã có 05 trạm biến áp của hệ thống điện lưới quốc gia, có 23/23 thôn có điện.</p> <p>- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường</p>	Đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế

		xuyên, an toàn: 847/887 hộ = 95,49% - Trên địa bàn xã đã có 8/14 thôn có hệ thống điện thấp sáng chiếu sáng đường quê từ nguồn xã hội hóa (Gồm các thôn: Bản Khang, Bản Tun, Bản Eng, Nà Dạ, Bản Ó, Bản Puồng, Bản Hỏ, Pù Lùng 2).				
	2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Trên địa bàn xã Nam Cường có 03 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chợ xã) đã được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp khang trang đáp ứng được một phần nhu cầu giao thương buôn bán của các tiểu thương và bà con nhân dân. Tuy nhiên, đối chiếu tiêu chuẩn của chợ thương mại nông thôn đạt chuẩn thì chưa đáp ứng được hoàn toàn các tiêu chí về chợ nông thôn đạt chuẩn, cần được rà soát đầu tư nâng cấp, bổ sung các tiêu chí để đáp ứng các tiêu chí về chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định.	Chưa đạt	Chưa có hướng dẫn cũ thể	Phòng Kinh tế	
	2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Mạng di động đã phủ sóng 23 thôn tuy nhiên hiện nay còn có 02/23 thôn chưa có cáp quang đến nơi gồm Lũng Noong, Cốc Slông, đạt 91%		Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Thu nhập bình quân đầu người của xã là 42 triệu đồng/ người/ năm		Chưa có hướng dẫn	Phòng Kinh tế
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ	Không có vùng nguyên liệu tập trung, vật nuôi chủ lực, chưa có khu chế biến		Chưa đạt	Phòng Kinh tế

	sản phẩm				
	3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Không có		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
	3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Hiện đang xây dựng kế hoạch thực phát triển các sản phẩm OCOP năm 2026 như: Bún, phở khô (tráng tay), mật ong, măng khô, các sản phẩm mật hàng thổ cẩm, Chưa có sản phẩm OCOP trên địa bàn.		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
	3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	không có mô hình		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
	3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Hiện nay có 10 HTX đăng ký kinh doanh trên địa bàn, 07 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 03 HTX hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp		Chưa có hướng dẫn cụ thể	Phòng Kinh tế
	3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Trên địa bàn xã đã có 01 Tổ khuyến nông được thành lập, hiện đang triển khai thực hiện Kiện toàn Tổ khuyến nông cộng đồng, tuy nhiên chưa tổ chức họp theo định kỳ		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
	3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	Số hộ đạt là 860 hộ/1.720 hộ nông dân= 50%		Đạt	Hội nông dân
	3.9. Có hoạt động phát triển kinh	Trên địa bàn xã chưa có doanh nghiệp,		Chưa đạt	Phòng Kinh tế

		tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	10 HTX tuy nhiên chưa tạo ra việc làm ổn định, tạo thu nhập ổn định cho người dân			
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	Không có cụm công nghiệp, làng nghề ≥ 01		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên địa bàn xã là 7.823 người. - Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 7.062 người/7.823 người đạt 90,27%.		Đạt	Phòng Văn hóa-xã hội
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS Là 47/47 em đạt 100%. Số học sinh được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) có 34/47 học sinh, đạt 72,34%.		Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	- Bình xét danh hiệu gia đình văn hóa đạt: 2.155/2.291 hộ, đạt 94,06% - Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn danh hiệu văn hoá 15/23 thôn, đạt 65,21 %.		Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội

	<p>5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập Trung học cơ sở; xoá mù chữ: + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. + Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là: 121/121 em, đạt 100%. + Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2. + Xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2. + Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại tốt. - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS Là 47/47 em đạt 100%. Số học sinh được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) có 34/47 học sinh, đạt 72,34% 	Đạt	Chưa đạt (chưa có hướng dẫn của cấp trên)	Phòng Văn hóa-xã hội
	<p>5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2025- 2030: Đạt 2. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 10.491/10.491 = 100% 3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 9,1% (đạt) 	Đạt	Chưa có hướng dẫn của cấp trên	Trạm y tế
	<p>5.4. Trạm y tế xã theo mô hình</p>	<p>Trạm y tế đã thực hiện hoàn thành 22/22 nhiệm</p>	Đạt	Chưa có	Trạm y tế

		đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	vụ		hướng dẫn của cấp trên	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng số hộ nghèo là 456 hộ chiếm 19,63% (<i>Kết quả rà soát cuối năm 2025 là 454 hộ; Phát sinh thời điểm tháng 02/2026 02 hộ</i>); hộ cận nghèo 150 hộ chiếm 6,46%. Tổng số hộ nghèo không có khả năng lao động 23 hộ; hộ cận nghèo không có khả năng lao động 06 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $456-23 \text{ hộ} = 433 \text{ hộ} / 2.323 \text{ hộ dân cư}$, chiếm 18,64%. Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều: $150-06=144 \text{ hộ} / 2.323 \text{ hộ dân cư}$, chiếm 6,20%. Tổng tỷ lệ nghèo đa chiều: $18,64\%+6,20\%=24,84\%$		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	- Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn: 2.331 nhà; trong đó: + Trên địa bàn xã còn có nhà tạm, nhà xuống cấp. + Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $126/2.331$ nhà đạt từ 5,64% . Trong năm 2025 UBND xã kết hợp với các chương trình hỗ trợ làm được 239 căn nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế

		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Hiện nay tỷ lệ sử dụng nước hợp sinh hoạt hợp vệ sinh toàn xã là 99,6%; Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chưa đánh giá được do chưa thực hiện lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước sau khi xử lý của công trình theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế	Đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an[2]”	Chưa đánh giá		Chưa đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xã
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Chưa đánh giá		Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Trong năm không có vụ việc trẻ em bị xâm hại.	Đạt	Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Trên địa bàn xã hiện có 25 hộ kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; có khoảng 2.000 hộ chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, có 10 hộ chăn nuôi lợn với số lượng từ 10 con trở lên; 20 hộ giết mổ gia súc, gia cầm. Các hộ chưa thực hiện ký cam kết sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo quy định	Chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
7	Khoa học công nghệ và	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Trên địa bàn xã hiện có 01 điểm bưu chính công cộng (<i>Bưu điện văn hóa xã</i>) hoạt động ổn định, cung cấp các dịch vụ như: chuyển phát,		Chưa đạt	Phòng Văn hóa-xã hội

	Chuyển đổi số		tài chính bưu chính, hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến.			
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Chưa thực hiện được số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	UBND xã tuyên truyền người dân, HTX tham gia các sàn thương mại. Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển thanh toán điện tử cho hộ gia đình kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ hiện nay các hộ kinh doanh đã thực hiện giao dịch điện tử; thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.		Chưa đạt (do chưa có hướng dẫn cấp trên)	Phòng Kinh tế
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	Không quy định			
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Xã chưa có chỗ để xử lý rác thải sinh hoạt tập trung. Hiện nay xã đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Chợ Bắc Kạn để thu gom rác thải sinh hoạt dọc theo tỉnh lộ 254 khoảng 1.600 người. Số còn lại tự thu gom và xử lý theo quy mô hộ gia đình.	Chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông	- Trang trại: trên địa bàn có 02 trại lợn nuôi trên 30 con đã sử dụng bioga để xử lý chất	Chưa đạt	Chưa đạt	Phòng Kinh tế

	<p>nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón</p>	<p>thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chăn nuôi: có khoảng 2.000 hộ chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ một số ít có sử dụng bioga còn lại thải trực tiếp ra môi trường bên ngoài. 			
	<p>8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</p>	<p>Không có làng nghề</p>		Chưa đạt	Phòng Kinh tế
	<p>8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường</p>	<p>Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thu nước thải sinh hoạt.</p>		Chưa đạt (do chưa có hướng dẫn cấp trên)	Phòng Kinh tế
	<p>8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hệ thống cây xanh: Tổng chiều dài đường xã: 11 km Chiều dài có trồng cây xanh: 8 km (đạt 73,73%) So với yêu cầu $\geq 50\%$ → Đạt yêu cầu. Cây xanh được trồng tại các trường học, tuyến đường sang Bản Cháy - Đối với hệ thống ao, hồ: trên địa bàn xã không có ao hồ tù đọng gây mất vệ sinh - Đối với đường làng, ngõ xóm: Việc vệ sinh đường làm ngõ xóm được thực hiện theo 		Chưa đạt	Phòng Kinh tế

			<p>hương ước, quy ước của thôn bản. Hiện nay các tuyến đường trục thôn đã được bê tông hóa tuy nhiên rãnh thoát nước qua các khu vực dân cư chưa có nắp bê tông che, còn nhiều hộ dân xả rác ra các khu vực không phải điểm tập kết rác thải</p> <p>- Đối với khu vực công cộng: khu vực công chợ Nam Cường còn điểm ú nước thải vào mùa mưa</p>			
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	<p>9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</p>	<p>100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.</p>	Đạt	Đạt	UBMTTQ xã
		<p>9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$</p>	<p>UBND xã bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương. Tuy nhiên, do điều kiện biên chế của cấp xã còn hạn chế, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện vẫn phải kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ chuyên môn khác, song cơ bản vẫn bảo đảm tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan theo yêu cầu. Lắp đặt đường truyền Internet, hệ thống mạng LAN đủ và ổn định để truy cập hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống Quản lý văn</p>		Chưa đạt	Trung tâm phục vụ Hành chính công

			bản và điều hành. Đảm bảo an toàn thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tuân thủ Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng nội bộ. Trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân tra cứu thủ tục hành chính và nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.			
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Xã có 57/57 cán bộ, công chức; 100% đã đạt chuẩn theo quy định. - Năm 2025, Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ. - 100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. 		Chưa đạt	Văn phòng HĐND&UBND
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng uỷ xã ban hành Nghị quyết chuyên đề, UBND xã xây dựng Kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. - Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự như: Chống 	Đạt	Đạt	Công an xã

		<p>đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phá hoại các mục tiêu công trình trọng điểm về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; xã có 04 điểm nhóm đạo Tin lành với 1.493 tín đồ tại thôn Cốc Slông, Nà Bản, Tà Han, Pù Lùng hoạt động tín ngưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã không có khiếu kiện đông người kéo dài, trái pháp luật. - Trên địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm phạm trẻ em. - Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm so với kỳ trước, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước. - Xã có mô hình tự quản "Hộ an toàn - thôn bản bình yên" tại 23/23 thôn. - Xã Nam Cường không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự. 			
	10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	xã đã lắp các cammera giám sát tại các điểm quan trọng. Tuy nhiên chưa có camera AI giám sát an ninh		Chưa đạt	Công an xã
	10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Tổ chức biên chế đơn vị dân quân có 371 đồng chí. Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật		Chưa đạt	Ban chỉ huy quân sự xã

		<p>đảm bảo theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã Nam Cường đã thành lập Chi bộ quân sự riêng, hằng tháng tổ chức sinh hoạt theo quy định. - Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân có 48/371 đồng chí, chiếm 12.93%; có 18/23 thôn đội trưởng là đảng viên đạt 78,26%. - Hằng năm tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân nòng cốt, tổ chức huấn luyện cho các đối tượng dân quân về giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện quân sự theo nội dung đạt khá. Hàng năm đều hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân, quản lý quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương. 			
		Tổng tiêu chí (đạt 5/45 chỉ tiêu; chưa đạt 40/ 45 chỉ tiêu)			